

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018
của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã,
liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả
đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 6390/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3594/QĐ-BNN-KTHT ngày 13/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020”;

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

- Duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã (HTX) trong lĩnh vực nông nghiệp. Phát triển và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX yếu, kém để phấn đấu đạt hiệu quả. Đổi mới và nâng cao năng lực hoạt động để cung ứng các dịch vụ về công nghệ, quản trị và xúc tiến thương mại cho thành viên HTX và nông dân. Nâng cao hiệu quả xã hội của HTX để tạo việc làm, cải thiện đời sống nông dân, góp phần phát triển kinh tế địa phương một cách bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và biến động của thị trường.

- Xây dựng và phát triển các mô hình HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả, gắn sản xuất với tiêu thụ trong chuỗi giá trị nông sản. Tạo điều kiện thành lập và khuyến khích phát triển các HTX nông nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực có lợi thế của địa phương, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020:

2.1. Thành lập mới HTX, Liên hiệp HTX:

- Thành lập mới 90 HTX nông nghiệp nhất là đối với các lĩnh vực có lợi thế của địa phương.

- Phấn đấu thành lập ít nhất 01 liên hiệp HTX hoạt động có hiệu quả.

2.2. Xử lý các HTX hoạt động yếu kém:

Xử lý dứt điểm 100% HTX hoạt động yếu kém (giải thể hoặc chuyển đổi sang loại hình khác).

2.3. Duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX:

- Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của 142 HTX nông nghiệp.

- 100% số xã nằm trong lộ trình đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 đạt tiêu chí 13 về tổ chức sản xuất.

2.4. Phát triển các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Phát triển 15 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, giá trị sản xuất hàng nông sản được nâng lên 02 lần so với phương thức sản xuất thông thường.

2.5. Thực hiện liên kết sản xuất:

Đạt tỷ lệ 50% số HTX hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành hàng chủ lực của tỉnh tham gia có hiệu quả vào chuỗi giá trị nông sản.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1. Hỗ trợ hoạt động của HTX nông nghiệp:

1.1. Hỗ trợ, xử lý dứt điểm đối với các HTX hoạt động yếu kém:

Căn cứ kết quả phân loại và đánh giá HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (hướng dẫn tại Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), có phương pháp xử lý phù hợp như:

- Giải thể đối với những HTX không còn khả năng tổ chức hoạt động.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX nông nghiệp hoạt động chưa hiệu quả:

+ Hướng dẫn các HTX xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó tập trung chuyển đổi phương thức hoạt động từ dịch vụ đầu vào sang sản xuất hàng hóa, đưa giống mới có năng suất, chất lượng tốt vào sản xuất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn và kết nối sản xuất gắn

với tiêu thụ ổn định; hướng dẫn các HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả quản lý và tăng giá trị sản phẩm.

+ Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị và kiến thức sản xuất đối với ban lãnh đạo HTX và thành viên thông qua các lớp bồi dưỡng, đào tạo nghề.

+ Mời gọi, kết nối các doanh nghiệp thực hiện liên kết với HTX để đầu tư vào sản xuất, chuyển giao công nghệ và tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng thực hiện liên kết đồng bộ từ đầu vào và đầu ra, giảm chi phí sản xuất (thông qua ứng dụng công nghệ và quy trình, kỹ thuật tiên tiến), tăng giá trị nông sản hàng hóa (thông qua việc nâng cao chất lượng, sản phẩm được chứng nhận theo các tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, GlobalGAP, mô hình OCOP...). Tổ chức kênh (nguồn) tiêu thụ bền vững nhằm đảm bảo đầu ra, ổn định sản xuất, bền vững sinh kế cho thành viên HTX và nông dân.

+ Hỗ trợ các HTX nâng cao năng lực, tăng cường các kỹ năng quản lý điều hành tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh và đa dạng các loại hình dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

+ Khuyến khích và tạo điều kiện để các HTX tham gia một số dịch vụ sản xuất và xây dựng nông thôn mới như: Bảo vệ môi trường, ngành nghề nông thôn... nhằm tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho thành viên HTX.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát: Hướng dẫn các HTX thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình hoạt động.

1.2. Duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX đang hoạt động có hiệu quả:

- rà soát, nâng cao hiệu quả của phương án sản xuất kinh doanh theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, lựa chọn đối tượng sản xuất phù hợp với yêu cầu của thị trường, chú trọng áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là sản xuất theo tiêu chuẩn vùng nuôi, trồng an toàn vệ sinh thực phẩm và dịch bệnh, ứng dụng công nghệ cao, xây dựng chỉ dẫn địa lý; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản trị và kiến thức sản xuất đối với ban lãnh đạo HTX và thành viên; hỗ trợ đăng ký, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu,...

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, thực hiện đa dạng hóa các hình thức liên kết nhằm tạo kênh kết nối sản xuất và tiêu thụ bền vững, phát huy tốt vai trò là tổ chức đại diện nông dân của HTX nông nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thí điểm, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện thí điểm đưa cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn tại HTX, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý của các HTX, nâng cao năng lực nhằm tiếp cận các nguồn vốn... Đặc biệt ưu tiên hỗ trợ đối với các HTX đang hoạt động có hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích cho thành viên, góp phần phát triển kinh tế địa phương.

2. Thành lập mới HTX, liên hiệp HTX:

- Vận động thành lập mới các HTX sản xuất các ngành hàng chủ lực của tỉnh với quy mô hàng hóa lớn, tạo vùng nguyên liệu liên kết với doanh nghiệp cung ứng giống, vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm. Đối với cấp huyện, xã, vận động, khuyến khích thành lập đối với các sản phẩm có thế mạnh và phù hợp với quy hoạch của địa phương.

- Các HTX mới thành lập chú trọng xây dựng phương án sản xuất kinh doanh khả thi và phù hợp với từng loại sản phẩm; chủ động huy động vốn góp từ các thành viên HTX, chủ động tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ HTX từ các chính sách; kêu gọi vốn đầu tư từ các doanh nghiệp liên kết xây dựng vùng nguyên liệu, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các quy trình, kỹ thuật chế biến sâu, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm thông qua thực hiện các chứng nhận sản phẩm theo tiêu chuẩn an toàn, chứng nhận hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP...

- Phân đầu thành lập ít nhất 01 liên hiệp HTX nông nghiệp.

3. Xây dựng mô hình HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

3.1. Tiêu chí chọn lựa các HTX:

- Có phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, ưu tiên HTX đang tiếp cận với việc ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động sản xuất của HTX.

- Sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ưu tiên những HTX có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Có đội ngũ cán bộ (quản lý và chuyên môn) đủ năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất ở các HTX.

- Ưu tiên các HTX có tiềm năng về đất đai, vốn (kể cả vốn đối ứng trong các dự án công nghệ cao), hạ tầng phục vụ sản xuất tốt.

- HTX thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, chế độ đánh giá xếp loại định kỳ để gửi về các đơn vị quản lý ngành theo quy định.

3.2. Nhiệm vụ thực hiện:

- Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTX đang ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; thông báo cho các HTX đăng ký, lập danh mục hỗ trợ công nghệ cao theo 05 loại công nghệ: công nghệ sinh học trong nông nghiệp; công nghệ trong canh tác, nuôi trồng, bảo quản; công nghệ tự động hóa, bán tự động hóa; công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp; công nghệ tin học trong quản lý và kinh doanh ở HTX (công nghệ 4.0 trong quản lý và sản xuất kinh doanh của HTX, truy xuất nguồn gốc sản phẩm) theo hướng dẫn tại Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp.

- Hỗ trợ tư vấn, hoàn thiện công nghệ và phương án đầu tư công nghệ vào sản xuất; đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho HTX; tạo điều kiện hỗ trợ vốn, tín dụng và các chính sách khác đối với HTX; hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thúc đẩy kết nối phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Xây dựng các mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, trồng trọt và canh tác theo hướng an toàn, bền vững trong tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp; đẩy mạnh trao đổi thông tin, tư vấn hoàn thiện kỹ thuật, công nghệ; thực hiện tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

4. Thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã với doanh nghiệp:

- Chọn các ngành hàng chủ lực của tỉnh và các địa phương xây dựng mô hình liên kết chuỗi giá trị dựa trên các liên kết giữa HTX và doanh nghiệp, tổng công ty. Chú trọng củng cố hoặc thành lập mới HTX, lồng ghép thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm đặc thù có giá trị kinh tế cao của địa phương.

- Xây dựng và triển khai các hợp đồng liên kết giữa doanh nghiệp, HTX và nông dân theo 07 hình thức liên kết được hướng dẫn tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ: (1) Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (2) Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (3) Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (4) Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (5) Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (6) Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; (7) Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Hỗ trợ phát triển liên kết theo chuỗi giá trị các ngành hàng chủ lực theo định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh; xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu thụ nông sản của các doanh nghiệp, HTX tham gia liên kết; hỗ trợ, củng cố nâng cao năng lực quản lý, sản xuất kinh doanh, khả năng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, các quy trình sản xuất an toàn đối với doanh nghiệp, HTX và nông dân tham gia liên kết; hỗ trợ xác nhận, chứng nhận sản phẩm an toàn, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm đối với doanh nghiệp và HTX; theo dõi, tổng kết, đánh giá, trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thí điểm, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục triển khai thực hiện thí điểm đưa cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn tại HTX; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý của các HTX; xây dựng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và HTX; nâng cao năng lực HTX nhằm tiếp cận các nguồn vốn...

III. GIẢI PHÁP:

1. Cụ thể hóa các chính sách của Trung ương:

- Thực hiện Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020; Kế hoạch số 6390/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp đến năm 2020; Quyết định số 3594/QĐ-BNN-KTHT ngày 13/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020”, tỉnh sẽ cụ thể hóa một số văn bản phù hợp với tình hình phát triển của địa phương.

- Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ cho HTX nông nghiệp được tiếp cận các nguồn đầu tư theo quy định.

- Đẩy mạnh công tác phân loại, đánh giá hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp để đề ra mục tiêu, kế hoạch hành động phù hợp. Mục tiêu không chỉ gia tăng giá trị, thu nhập của HTX mà mục đích cuối cùng là nhằm gia tăng giá trị và thu nhập của từng hộ thành viên và nông dân.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về thực hiện Quyết định 461/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

- Tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ thực hiện Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã; nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, ban lãnh đạo, thành viên HTX và người dân nhằm triển khai các chương trình, kế hoạch cụ thể đạt được mục tiêu của Đề án.

- Tuyên truyền thông qua nhiều hình thức đa dạng, đặc biệt lồng ghép vào các chương trình, dự án, các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, giới thiệu các mô hình đã xây dựng trong và ngoài tỉnh về ứng dụng công nghệ cao, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa các doanh nghiệp – HTX và nông dân.

3. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ quản lý nhà nước, ban lãnh đạo, thành viên HTX:

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương và tỉnh.

- Tập trung triển khai thực hiện mô hình đưa cán bộ trẻ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn các HTX.

- Xây dựng và hoàn thiện các tài liệu, bài giảng về phát triển kinh tế hợp tác, theo hướng chuyên đề, chuyên sâu, gắn kết chặt chẽ giữa bài giảng, mô hình lý thuyết và thực hành nhằm vận dụng một cách có hiệu quả các định hướng, chính sách vào thực tiễn sản xuất của từng địa phương.

- Xây dựng và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước nhằm hỗ trợ, tư vấn các HTX tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và xây dựng kênh kết sản xuất, tiêu thụ bền vững; đào tạo, nâng cao năng lực về quản trị, xây dựng và thực hiện có hiệu quả phương án sản xuất kinh doanh, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, kỹ năng đàm phán, kiến thức tiếp cận thị trường.

4. Rà soát công tác đào tạo nghề:

Rà soát các danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo ngắn hạn nhằm sắp xếp, phân bổ cho phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với nhiệm vụ thực hiện Đề án phát triển 15.000 HTX, đào tạo các lao động sản xuất, liên kết với doanh nghiệp, HTX nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao, phù hợp quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhiệm vụ tái cơ cấu ngành, lĩnh vực với giảm nghèo bền vững.

IV. TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN, KINH PHÍ:

1. Niên độ thực hiện và kinh phí:

Tổng kinh phí: 57.912 triệu đồng, trong đó: vốn Trung ương: 53.504 triệu đồng, vốn địa phương: 658 triệu đồng.

- Năm 2019: Thực hiện Hội nghị triển khai; thành lập mới HTX, liên hiệp HTX; xử lý các HTX hoạt động yếu, kém; đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ cán bộ trẻ trình độ cao đẳng, đại học về công tác tại các HTX; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho HTX; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu; hỗ trợ phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; phát triển liên kết sản xuất; kiểm tra, giám sát.

Tổng kinh phí thực hiện: 28.634 triệu đồng, trong đó: vốn Trung ương: 26.369 triệu đồng, vốn địa phương: 315 triệu đồng.

- Năm 2020: Thành lập mới HTX, liên hiệp HTX; xử lý các HTX hoạt động yếu, kém; đầu tư cơ sở hạ tầng; hỗ trợ cán bộ trẻ trình độ cao đẳng, đại học về công tác tại các HTX; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho HTX; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu; hỗ trợ phát triển HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp; phát triển liên kết sản xuất; kiểm tra, giám sát; thực hiện Hội nghị tổng kết.

Tổng kinh phí thực hiện 29.278 triệu đồng, trong đó: vốn Trung ương: 27.135 triệu đồng, vốn địa phương: 343 triệu đồng.

(đính kèm phụ lục kinh phí)

2. Nguồn kinh phí:

Kinh phí thực hiện trên cơ sở các văn bản nguồn cụ thể như sau:

- Hỗ trợ phát triển HTX tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ổn định đời sống dân cư theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

- Chương trình Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và “Mỗi xã một sản phẩm”;

- Chương trình khuyến nông quốc gia hỗ trợ cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, thành viên hợp tác xã và xây dựng các mô hình khuyến nông ứng dụng công nghệ

cao trong HTX nông nghiệp (Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ);

- Hỗ trợ thuê đất phục vụ hoạt động của các HTX và hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng để HTX thực hiện các dịch vụ công ích, tiêu thụ sản phẩm gắn với chuỗi giá trị (Nghị định 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017); hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp (Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018);

- Hỗ trợ thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn để liên kết với HTX (Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 03/5/2018);

- Các chương trình hỗ trợ theo chuyên ngành như: Thủy lợi phí (Luật Thủy lợi và Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018); hỗ trợ đầu tư, bảo vệ và phát triển rừng (Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ); hỗ trợ phát triển thủy sản (Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 và Nghị định số 89/2015/NĐ-CP ngày 07/10/2015);

Ngoài ra, huy động các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế; từ các chương trình tài trợ cho HTX nông nghiệp; nguồn vốn từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ Hỗ trợ nông dân và các tổ chức tín dụng; vốn của doanh nghiệp tham gia liên kết, vốn đối ứng của các HTX đầu tư phát triển sản xuất và các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ sáu tháng, hàng năm và đột xuất về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong đó cần tập trung các nhiệm vụ sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau khảo sát, thống nhất chọn lựa, xác định các ngành hàng chủ lực của địa phương để tập trung vận động, hỗ trợ thành lập mới HTX và củng cố, nâng cao chất lượng của các HTX đang hoạt động có hiệu quả; lập danh sách các HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo các nội dung, tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ngành, có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện mô hình đưa cán bộ trẻ có trình độ cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn các HTX.

- Tổng hợp nhu cầu về kinh phí, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phân bổ kinh phí hàng năm và cả giai đoạn.

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh Hợp tác xã kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các hợp tác xã nông nghiệp được ưu tiên hỗ trợ.

2. Liên minh Hợp tác xã:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, lựa chọn các hợp tác xã; triển khai và chỉ đạo các hợp tác xã xây dựng mô hình thí điểm; kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện tuyên truyền, tư vấn, thành lập mới và hỗ trợ các hợp tác xã.

3. Sở Công Thương:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các chương trình liên kết, hợp tác, xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh; hỗ trợ các HTX xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, sản phẩm và tham gia tìm kiếm thị trường; giới thiệu, quảng bá, tổ chức giao thương, kết nối cung - cầu giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để tiêu thụ hàng hóa nhằm phát triển các ngành hàng chủ lực của tỉnh.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Hỗ trợ các xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới đạt tiêu chí 13 trong xây dựng nông thôn mới.

5. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh hợp tác xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Hướng dẫn các HTX thực hiện hồ sơ, thủ tục giao đất và thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc, nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến và các cơ sở hạ tầng cần thiết trong sản xuất nông nghiệp.

7. Sở Khoa học và Công nghệ:

Cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ và kỹ thuật; tư vấn về tiêu chuẩn, chất lượng, nhãn hiệu, mẫu mã và thương hiệu sản phẩm cho HTX; hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh gắn với bảo vệ tài nguyên, thiên nhiên và môi trường.

8. Cục Thuế: Hướng dẫn chính sách ưu đãi thuế đối với hợp tác xã nông nghiệp.

9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Cà Mau:

Hỗ trợ và hướng dẫn các HTX thực hiện quy trình, thủ tục, hồ sơ vay vốn theo các chương trình hỗ trợ tín dụng đối với HTX nông nghiệp.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội:

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tập thể; vận động hội viên, đoàn viên tham gia vào các HTX, góp phần thúc đẩy kinh tế tập thể phát triển và ổn định.

11. Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thành phố Cà Mau:

Lồng ghép các nội dung của Đề án phát triển 15.000 HTX vào các chương trình đào tạo, bồi dưỡng có liên quan.

12. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Cà Mau:

Xây dựng kế hoạch, chuyên đề tuyên truyền cho nhân dân nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế tập thể theo Đề án phát triển 15.000 HTX.

13. Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh:

Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ, giám sát các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nhằm tiếp tục giữ vững, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, lựa chọn các HTX tham gia thực hiện Đề án.

- Chỉ đạo, phân công các cơ quan chuyên môn phối hợp, thực hiện Kế hoạch; đôn đốc các HTX thực hiện các chế độ báo cáo tình hình hoạt động năm, gửi về cơ quan đăng ký HTX và cơ quan quản lý ngành (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh Hợp tác xã tỉnh).

- Tổ chức sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch trên./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Cà Mau;
- CVP UBND tỉnh;
- Phòng: KT (D05), NN-TN;
- Lưu: VT.



Lê Văn Sử

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ HÀNG NĂM VÀ CẢ GIAI ĐOẠN 2019-2020
(Kèm theo Kế hoạch số 10 /KH-UBND tỉnh ngày 16 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

PHÂN KỲ KINH PHÍ	Giai đoạn 2019-2020			Năm 2019			Năm 2020		
	Tổng kinh phí	Kinh phí		Tổng kinh phí	Kinh phí		Tổng kinh phí	Kinh phí	
		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP
Tổng cộng	57.912	53.504	658	28.634	26.369	315	29.278	27.135	343

TT		Đơn vị tính	Đơn giá	Năm 2019				Năm 2020				Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Kinh phí		SL	Thành tiền	Kinh phí				
						NSTW	NSĐP			NSTW	NSĐP			
IV	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng	HTX	750	13	9.750	7.800		12	9.000	7.200		Sở NN & PTNT	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố, UBND các xã, HTX	Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 80% (600 triệu), còn lại 20% do HTX tự góp vốn đối ứng (150 triệu)
V	Hỗ trợ cán bộ trình độ cao đẳng, đại học về công tác tại HTX	HTX	48	23	1.104	1.104		17	816	816		Sở NN & PTNT	Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện/thành phố, UBND các xã, HTX	
VI	Bồi dưỡng, đào tạo hỗ trợ củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các HTX	Lớp	119	96	6.655	6.655		103	7.215	7.215		Sở NN & PTNT		
1	Đào tạo hỗ trợ năng lực quản lý, điều hành - Thời gian 4 ngày, tổ chức tại tỉnh, - Đối tượng ban quản lý HTX và đối tượng có tiềm năng tham gia bộ máy quản lý, - Nội dung: Lập và thực thi KHSXKD, tìm kiếm thị trường quản lý chuỗi cung ứng đầu vào và đầu ra, ứng dụng công nghệ trong sản xuất và kinh doanh, tìm kiếm thị trường, đối tác thương mại	Lớp	80	71	5.680	5.680		78	6.240	6.240				

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	Đơn vị tính	Đơn giá	Năm 2019				Năm 2020				Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Kinh phí		SL	Thành tiền	Kinh phí				
						NSTW	NSĐP			NSTW	NSĐP			
2	Bồi dưỡng chuyên đề nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, công nhân viên chức công vụ tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, thị trấn. - Thời gian 2 ngày, tổ chức tại tỉnh, thành phố. - Đối tượng: Hỗ trợ nâng cao đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, công nhân viên chức công vụ tỉnh, huyện, thành phố, thị xã, thị trấn. - Nội dung: + Tiếp cận thị trường, xúc tiến thương mại + Xây dựng chiến lược kinh doanh + Xây dựng và đàm phán hợp đồng + Quản lý chuỗi cung ứng + Ứng dụng công nghệ trong SX và KD	Lớp	39	25	975	975	25	975	975	Sở NN & PTNT	Chi cục PTNT, các viện nghiên cứu, trường Đại học, các tổ chức có chức năng đào tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực, Phòng NN&PTNT các huyện, Phòng Kinh tế TP. Cà Mau, các xã và các HTX			
VII	Xây dựng nhãn hiệu		100	2	200	200	3	300	300	Sở NN & PTNT	Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục PTNT, Phòng NN&PTNT các huyện, Phòng Kinh tế TP. Cà Mau, các xã và các HTX tham gia thí điểm theo QĐ số 445			
	Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu đối với hợp tác xã (ưu tiên đối với các ngành hàng chủ lực)	HTX	100	2	200	200	3	300	300					
VIII	Hỗ trợ phát triển HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	HTX		20	9.260	9.260	17	9.927	9.927	Sở NN & PTNT	Sở Khoa học & Công nghệ, Chi cục PTNT, Phòng NN&PTNT các huyện, Phòng Kinh tế TP Cà Mau, các xã và các HTX	Chi tiết từng mô hình Phụ lục 3		
	Xây dựng mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao (ưu tiên các ngành hàng chủ lực)	Mô hình/HTX		20	9.260	9.260	17	9.927	9.927					



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3. DỰ KIẾN HỖ TRỢ CÁC HỢP TÁC XÃ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Kế hoạch số 80 /KH-UBND tỉnh ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Mô hình ứng dụng Công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp	Kinh phí (triệu đồng)		
			Tổng KP	2019	2020
1	TP. Cà Mau		1.480	1.480	
	Xã Hòa Thành (HTX An Thành)	Mô hình nuôi tôm siêu thâm canh		740	
	Xã Hòa Tân (HTX Thành Công)	Mô hình nuôi tôm siêu thâm canh		740	
2	Cái Nước		4.240	2.120	2.120
	Xã Tân Hưng (HTX Nuôi tôm Siêu thâm canh)	Mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ UV và Biofloc		740	740
	Xã Hưng Mỹ (HTX Hưng Mỹ)	Mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ UV		640	640
	Xã Hòa Mỹ (HTX Cái Bát)	Mô hình nuôi tôm ứng dụng Biofloc		740	740
3	Đầm Dơi		3.288	1.644	1.644
	Xã Tạ An Khương Nam (HTX Tân Hồng)	Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh theo công nghệ CP, Simebiofloc		548	548
	Xã Tân Dân (HTX Thành Công)	Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh theo công nghệ CP, Simebiofloc		548	548
	Xã Ngọc Chánh (HTX Nam Chánh)	Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh theo công nghệ CP, Simebiofloc		548	548
4	Năm Căn		844	422	422
	Xã Tam Giang (HTX Tài Thịnh Phát Farm)	Công nghệ đông lạnh nhanh		400	400
	Xã Tam Giang (HTX nuôi tôm sinh thái)	Ứng dụng vi sinh trong xử lý môi trường nuôi tôm (tôm sinh thái)		22	22
5	Phú Tân		1.646	823	823
	Xã Nguyễn Việt Khái (HTX Hòa Hiệp)	Mô hình nuôi tôm ứng dụng Biofloc		740	740
	Xã Tân Hưng Tây (HTX Đồng Tiến)	Ứng dụng vi sinh trong nuôi tôm bền vững		83	83
6	Thới Bình		415	415	
	Xã Trí Lực (HTX lúa tôm Trí Lực)	Ứng dụng vi sinh trong xử lý môi trường nuôi tôm (tôm-lúa)		83	



	Xã Lạc (HTX Đoàn Phát)	Ứng dụng vi sinh trong xử lý môi trường nuôi tôm (tôm-lúa)		83	
	Xã Bến Bạch (HTX Thành Đạt)	Ứng dụng vi sinh trong xử lý môi trường nuôi tôm		83	
	Xã Trí Phải (HTX Quyết Thắng)	Ứng dụng vi sinh trong xử lý môi trường nuôi tôm		83	
	Xã Hồ Thị Kỳ (HTX Xóm Sờ)	Ứng dụng vi sinh trong xử lý môi trường nuôi tôm		83	
7	Trần Văn Thời		4.712	2.356	2.356
	Xã Khánh Bình Tây (HTX Minh Tâm)	Thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn GAP và ICM trong sản xuất lúa		808	808
	Xã Khánh Bình Tây Bắc (HTX Kinh Dón)	Thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn GAP và ICM trong sản xuất lúa		808	808
	Xã Phong Lạc (HTX Thuận Lợi)	Mô hình nuôi tôm siêu thâm canh		740	740
8	U Minh		2.562		2.562
	Xã Khánh Thuận (HTX Đồng Thuận)	Trồng rau trong nhà lưới kết hợp công nghệ tưới tiết kiệm			478
	Xã Nguyễn Phích (HTX Trang trại xanh)	Công nghệ tưới tiết kiệm			798
	Xã Khánh Lâm (HTX Tân An)	Trồng rau trong nhà lưới kết hợp công nghệ tưới tiết kiệm			478
	Xã Khánh Lâm (HTX Khánh Minh)	Thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn GAP và ICM trong sản xuất lúa			808
Tổng cộng			19.187	9.260	9.927



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

4. HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỐI VỚI CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Kế hoạch số 80 /KH-UBND tỉnh ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	Đơn vị	Đơn giá	Năm 2019				Năm 2020			
			Số lượng	Tổng KP	NSTW	NSDP (Vốn đối ứng của HTX)	Số lượng	Tổng KP	NSTW	NSDP (Vốn đối ứng của HTX)
1	TP. Cà Mau	750	2	1.500	1.200	300	-	-	-	-
2	Cái Nước	750	1	750	600	150	-	-	-	-
3	Đầm Dơi	750	1	750	600	150	2	1.500	1.200	300
4	Năm Căn	750	2	1.500	1.200	300	1	750	600	150
5	Phú Tân	750	1	750	600	150	1	750	600	150
6	Thới Bình	750	1	750	600	150	-	-	-	-
7	Trần Văn Thời	750	5	3.750	3.000	750	6	4.500	3.600	900
8	U Minh	750	-	-	-	-	2	1.500	1.200	300
Tổng cộng			13	9.750	7.800	1.950	12	9.000	7.200	1.800

Ghi chú: Đầu tư cơ sở hạ tầng (theo Quyết định số 2267/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ); Nhà nước hỗ trợ tối đa 80% (tương đương 600 triệu đồng), còn lại 20% HTX tự bù vốn đối ứng (tương đương 150 triệu đồng)



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LƯC 5. TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 461/QĐ-TTg
(Kèm theo Kế hoạch số 80 /KH-UBND tỉnh ngày 26 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Thành lập mới HTX		Thành lập mới Liên hiệp HTX		Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng		CB Cao đẳng, ĐH		Hỗ trợ HTX ứng dụng CNC vào sản xuất		Liên kết sản xuất		Củng cố, nâng cao CLHD		Ghi chú
		2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	2019	2020	
1	TP. Cà Mau	5	5			2		2		2		9		9	9	
2	Cái Nước	5	5			1		2		3	3	3	3	10	15	
3	Đầm Dơi	5	5			1	2	1	3	3	3	2	3	2	2	
4	Năm Căn	5	5			2	1	2		2	2	4	4	2	2	
5	Ngọc Hiển	5	5									9	9	9	9	
6	Phú Tân	5	5			1	1	2	2	2	2	2	2	3	3	
7	Thới Bình	5	5			1		3		5		8		8	8	
8	Trần Văn Thời	5	5			5	6	5	6	3	3	3	4	21	23	
9	U Minh	5	5				2	6	6		4	2		7	7	
	Cộng	45	45		1	13	12	23	17	20	17	42	25	71	78	
	Tổng cộng	90		1		25		40		37		67		149		